

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/LĐ-ST

Ngày: 13-8-2024

“V/v tranh chấp đòi tiền lương và bảo
hiểm xã hội”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thả;

2. Ông Võ Văn Hoa Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 02/2024/TLST-LĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp đòi tiền lương và bảo hiểm xã hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-LĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thùy T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ A, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty cổ phần S; địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tiến T1 – Tổng Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 26/02/2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn là bà Đỗ Thị Thùy T trình bày:

Bà làm việc cho Công ty cổ phần S (từ đây gọi tắt là Công ty) từ ngày 06/5/2019, đến ngày 30/6/2023 thì nghỉ việc theo Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động số 170/2023/QĐ-SOFAVI ngày 15/7/2023. Tuy đã có Quyết định nghỉ việc nhưng Công ty chưa tất toán tiền lương và tiền bảo hiểm xã hội cho bà. Đến nay Công ty còn nợ bà 15 tháng tiền lương với số tiền tổng cộng là 53.756.998 đồng, không nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà 2 tháng với số tiền là 58.607.794 đồng. Bà đã nhiều lần yêu cầu Công ty T2 còn nợ, đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà nhưng Công ty không thực hiện nên bà có đơn yêu cầu Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh giải quyết. Tại buổi hòa giải ngày 20/10/2023, đại diện Công ty H sẽ thanh toán dần số tiền lương còn nợ và đóng bảo hiểm xã hội cho bà nhưng Công ty không thực hiện nên bà mới khởi kiện. Ngày 20 và 24/5/2024, bà phải tự bỏ ra số tiền 71.381.000 đồng nộp cho Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh để xin được hưởng chế độ hưu trí.

Nay bà yêu cầu Công ty có nghĩa vụ trả lại cho bà 53.756.998 đồng tiền lương còn nợ và 58.607.794 đồng tiền bảo hiểm xã hội Công ty chưa đóng cho bà mà bà đã phải tự bỏ tiền ra nộp thay cho Công ty, tổng cộng là 112.364.792 đồng. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn là Công ty cổ phần S do ông Phạm Tiến T1 là người đại diện theo pháp luật vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Lao động; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với Công ty cổ phần S – Việt. Buộc Công ty có nghĩa vụ trả lại cho bà T 53.756.998 đồng tiền lương còn nợ và 58.607.794 đồng tiền bảo hiểm xã hội, tổng cộng là 112.364.792 đồng.

+ Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đỗ Thị Thùy T là Nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Phạm Tiến T1 là người đại diện theo pháp luật của Bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà T, ông T1.

[2] Về nội dung tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu Công ty trả lại cho bà 53.756.998 đồng tiền lương còn nợ và 58.607.794 đồng tiền bảo hiểm xã hội, tổng cộng là 112.364.792 đồng. Xét yêu cầu của bà T thấy rằng:

[2.1] Căn cứ vào 05 Hợp đồng lao động và Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động số 170/2023/QĐ-SOFAVI ngày 15/7/2023 do bà T cung cấp có đủ căn cứ xác định bà T làm việc cho Công ty từ ngày 06/5/2019, đến ngày 30/6/2023 thì nghỉ việc theo Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động số 170/2023/QĐ-SOFAVI ngày 15/7/2023 là có thật. Căn cứ vào Công văn số 64/2023/CV-SFV ngày 27/10/2023 của Công ty và Biên bản hòa giải tranh chấp lao động số 04/BB-PLĐT BXH ngày 20/10/2023 của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh do bà T cung cấp có đủ căn cứ xác định Công ty còn nợ bà T 53.756.998 đồng tiền lương và 58.607.794 đồng tiền bảo hiểm xã hội là có thật; Công ty cũng đã hứa sẽ trả dần tiền lương còn nợ và đóng bảo hiểm xã hội cho bà T nhưng vẫn không thực hiện. Căn cứ vào các Chứng từ chuyên khoản ngày 20 và 24/5/2025 của bà T cho Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh và xác nhận của Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh có đủ căn cứ xác định bà T đã tự bỏ ra số tiền 71.381.000 đồng tiền bảo hiểm xã hội Công ty chưa đóng cho bà là có thật. Tuy nhiên, nay bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu Công ty trả lại cho bà 53.756.998 đồng tiền lương còn nợ và 58.607.794 đồng tiền bảo hiểm xã hội là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Tiến T1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần S đều vắng mặt nên không có lời trình bày, không có chứng cứ phản bác nên xem như không thực hiện được nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phải chịu hậu quả pháp lý của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình.

[2.3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy bà T yêu cầu Công ty trả lại cho bà 53.756.998 đồng tiền lương còn nợ và 58.607.794 đồng tiền bảo hiểm xã hội, tổng cộng là 112.364.792 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 48 của Bộ luật Lao động.

[3] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với những nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc Công ty phải chịu 3.371.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không đặt ra giải quyết về tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Lao động; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thùy T đối với Công ty cổ phần S về việc tranh chấp đòi tiền lương và bảo hiểm xã hội.

Buộc chi Công ty cổ phần S có nghĩa vụ trả lại cho bà Đỗ Thị Thùy T 53.756.998 (năm mươi ba triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi tám) đồng tiền lương và 58.607.794 (năm mươi tám triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm chín mươi bốn) đồng tiền bảo hiểm xã hội, tổng cộng là 112.364.792 (một trăm mười hai triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi hai) đồng.

Kể từ ngày bà Đỗ Thị Thùy T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty cổ phần S không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng Công ty cổ phần S còn phải trả cho bà T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Công ty cổ phần S phải chịu 3.371.000 (ba triệu ba trăm bảy mươi một nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho bà T, Công ty cổ phần S biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thành Chung